

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP Năm báo cáo/Year: 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 0100103175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 6 năm 2008, thay đổi lần 2 vào ngày 21 tháng 4 năm 2011, thay đổi lần 3 vào ngày 05 tháng 7 năm 2012 và thay đổi lần 4 vào ngày 18 tháng 7 năm 2013;
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Địa chỉ/Address: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại/Telephone: (04) 38525339/38522331;
- Số fax/Fax: (04) 35632169;
- Website: www.hec.com.vn;

- Logo: 

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): HEJ

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process:

- 06/04/1955: Phòng thiết kế đo đạc, tiền thân của HEC, thuộc Nha thủy lợi, Bộ Giao thông công chính (Thành lập theo Nghị định số 507-TTg của Hội đồng Chính phủ);
- 09/06/1956: Cục Thiết kế thủy lợi, sau đó gọi là Cục Khảo sát thiết kế thủy lợi (Thành lập theo Nghị định số 922TTg do Phó Thủ tướng Phan Kế Toại ký);
- 12/08/1961: Viện Thiết kế thủy lợi - Thủy điện (chuyển từ Cục Khảo sát thiết kế thành Viện theo Quyết định số 632 do Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực Trần Quý Kiên ký);
- 20/07/1976: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi (nhập Đoàn Khảo sát thủy lợi và các đoàn khảo sát thiết kế thủy lợi Trung Trung bộ và Nam bộ vào Viện Thiết kế thủy lợi-Thủy điện theo QĐ số 1015 QĐ/TL của Bộ Thủy lợi);
- 30/10/1989: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi Quốc gia (Quyết định số 460QĐ/TC của Bộ Thủy lợi);

- 20/02/1993: Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi I (Quyết định số 66QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Thủy lợi);
- 06/09/1995: Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi I (Quyết định số 79QĐ/TCCB của Bộ Thủy lợi về việc đổi tên Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi I thành Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I);
- 19/06/2007: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 1769/QĐ-BNN-ĐMDN về việc chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con);
- 15/10/2007: Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa công ty mẹ: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam);
- 26/04/2008: Đại hội đồng cổ đông thành lập đã được tổ chức thành công và thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP;
- 09/06/2008: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP (Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:*

- + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Mã ngành 7210.
 - o Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
 - o Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyên giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan: Mã ngành 7110.
 - o Chi tiết: Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng; Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm định dự toán công trình; Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
 - o Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
 - o Thiết kế bao gồm: - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; - Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
 - o Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình

xây dựng;

- + Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 7490.
 - o Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
 - o Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- + Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8559.
 - o Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Mã ngành 5510.
 - o Kinh doanh khách sạn;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành 6810.
 - o Chi tiết: Cho thuê bất động sản, văn phòng;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8299.
 - o Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- + In ấn: Mã ngành 1811.
 - o In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*:

- + Các tỉnh thành trong cả nước.
- + Các tỉnh thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*:

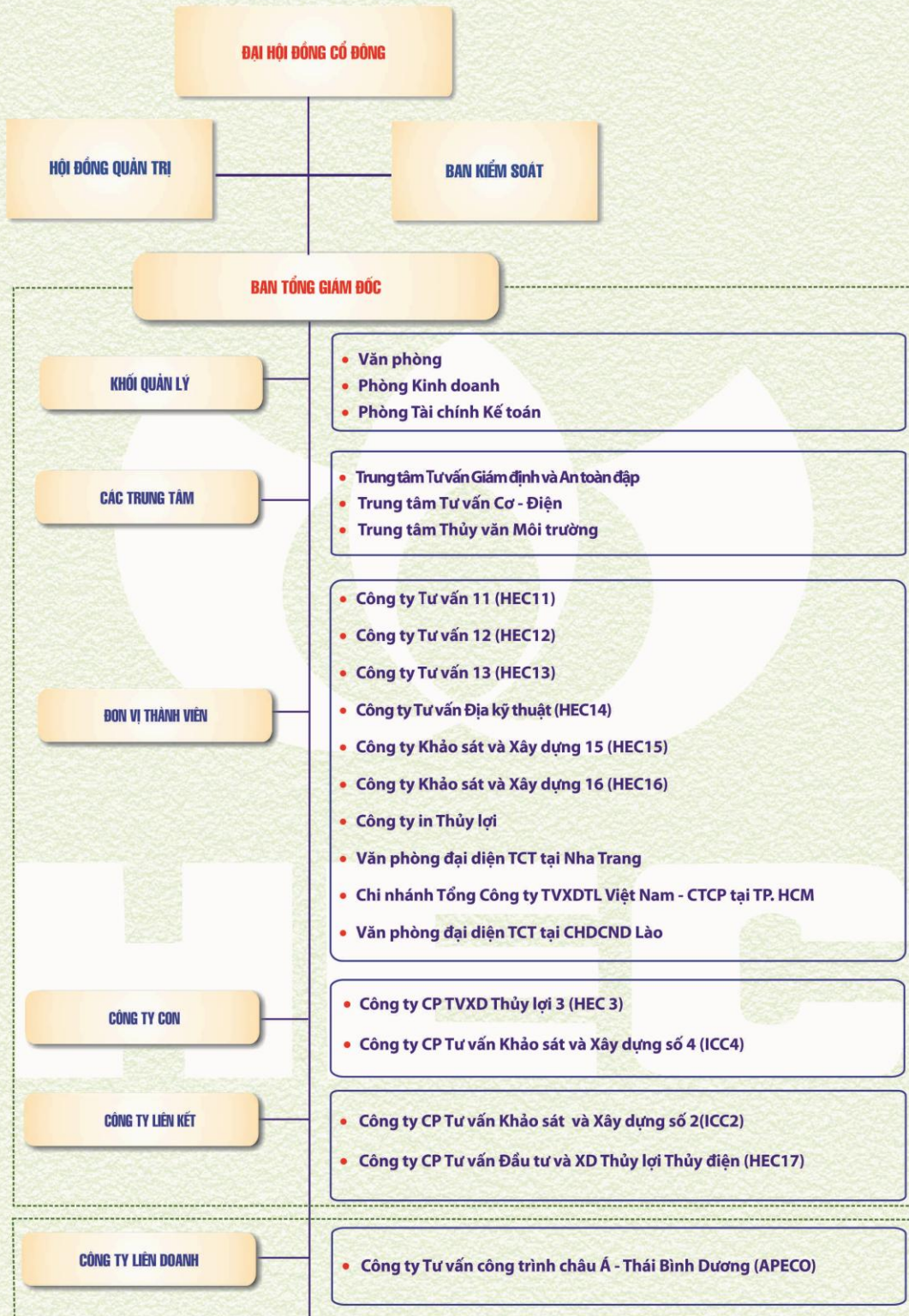
- Mô hình quản trị/*Governance model*:

- + Mô hình quản trị của HEC bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc và thủ trưởng (Giám đốc, trưởng phòng) các đơn vị. Cơ cấu của HEC được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo công việc (dự án) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc điều hành qua phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của đơn vị thông qua Phó TGD phụ trách và thủ trưởng các đơn vị.
- + HEC tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

Cơ cấu bộ máy quản lý của HEC được thể hiện như sơ đồ dưới đây.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

(1) Công ty con:

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VNĐ)	HEC	
			Mức vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 4 (ICC4): - Địa chỉ: 44 Võ Thị Sáu – Thành phố Quảng Ngãi. - Điện thoại: 055-3828449 - Email: icc4@hec.com.vn . - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình	4.950.000.000	2.507.000.000	50,65
2	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi 3 (HEC3): - Địa chỉ: 30 Trịnh Phong-Nha Trang- Khánh Hoà - Điện thoại: 058-3510228 - Fax: 058-3510228 - Email: hec3@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát , thiết kế xây dựng các công trình	2.500.000.000	1.679.000.000	58,80
Tổng Cộng:			4.186.000.000	

(2) Công ty liên kết, liên doanh:

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VNĐ)	HEC	
			Mức vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 2 (ICC2): - Địa chỉ: 50/3 Phường Trung Sơn- Thị xã Tam Điệp. - Điện thoại: 030-3864006 Fax: 030-3864306 - Email: icc2@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình	3.000.000.000	1.050.000.000	30,00

2	<p>Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư thủy lợi thủy điện (HEC17):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở (địa chỉ): Tầng 8, 95/2 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội - Điện thoại: 04.62761103 - Fax: 04.62761125 <p>Email: hec17@hec.com.vn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế xây dựng các công trình 	2.500.000.000	1.000.000.000	76,92
3	<p>Liên doanh APECO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: P301 - D10 - Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (84 4) 37723805 - Fax: (84 4) 37723806 - Email: apeco@fpt.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình 	5.676.579.478	1.021.784.306	18,00
Tổng cộng:			3.071.784.306	

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company:*

- + Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam, nhà thầu tư vấn với đủ năng lực đấu thầu quốc tế.
- + Tiến tới đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh để tăng thêm nguồn thu.
- + Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động đang làm việc tại HEC cũng như thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

- + Đẩy mạnh quan hệ với các địa phương để tham gia thực hiện các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và ODA giao cho các địa phương quản lý. Tiếp tục mở rộng thị trường vùng Đồng bằng Nam Bộ và thị trường Miền Trung và Tây Nguyên, các công trình phục vụ tiêu, chống ngập cho các thành phố lớn đặc biệt là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư các phần mềm tính toán, đào tạo cán bộ để tiếp cận được các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu.
- + Tăng cường tiếp cận thị trường Lào, quan hệ với cơ quan hữu quan của Lào và Việt Nam để thực hiện các dự án viện trợ từ chính phủ Việt Nam, các dự án ODA và đầu tư từ các nước cho Lào. Thực hiện các dịch vụ chuyên gia cho nước bạn Lào.

- + Kiện toàn lại mô hình tổ chức của HEC với xu hướng tinh giảm gọn nhẹ, nhân sự có trình độ. Công tác tuyển dụng lao động được cải tiến sao cho tuyển được người lao động có khả năng và có tâm huyết ở với HEC. Xây dựng quy chế đào tạo để đảm bảo nâng cao năng lực cán bộ đồng thời giữ được cán bộ phục vụ Tổng công ty.
 - + Từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, độc lập và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn. Chiến lược này cũng chính là mục tiêu và chính sách chất lượng của HEC thể hiện trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.
 - + Ngoài lĩnh vực hoạt động chính là tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm tư vấn dự án, HEC sẽ nghiên cứu để phát triển thêm dịch vụ và đầu tư nhằm mục đích nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*
- + Xây dựng đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp.
 - + Xây dựng chính sách trả lương thỏa đáng để tạo động lực gắn kết người lao động với Tổng công ty.
 - + Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam.

5. Các rủi ro/ *Risks*:

- Rủi ro về thị trường: Là những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HEC đến từ thị trường. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước mà đa phần công việc là phục vụ dân sinh kinh tế do Nhà nước làm chủ đầu tư. Nên khi có thay đổi chính sách dẫn đến thị trường bị thu hẹp (Ví dụ như nghị quyết 11 về cắt giảm đầu tư công của Chính phủ) sẽ chịu nhiều rủi ro do tạm dừng triển khai các dự án/công trình.
- Rủi ro về thanh toán: Đa phần các công trình mà HEC tham gia thực hiện là có vốn đầu tư từ ngân sách nên việc thanh quyết toán hết sức chậm chạp. Có dự án phải đến trên 10 năm mới hoàn thành việc thanh quyết toán. Một số các công trình mà chủ đầu tư là các công ty cổ phần thì việc thu hồi nợ rất khó khăn. Việc thanh toán không đúng tiến độ trong hợp đồng ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và kế hoạch đầu tư của HEC.
- Rủi ro về lãi suất: Rủi ro về việc thay đổi lãi suất của các Ngân hàng.
- Rủi ro về thuế: Tăng thuế đất gấp nhiều lần so với năm trước (VD năm 2010) và xu hướng còn tiếp tục tăng.
- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện tại, với việc dễ dàng trong thành lập các công ty tư vấn nên hầu hết các tỉnh thành, huyện đều có các công ty tư vấn với mô hình gọn nhẹ, quan hệ mật thiết với địa phương nên việc cạnh tranh rất khốc liệt. Tiêu chí lựa chọn nhà thầu tư vấn hiện nay chưa thiên về năng lực mà bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khác. Việc quản lý nhà nước về đấu thầu chưa thực sự đảm bảo công bằng, minh bạch do vậy vẫn còn tiếp diễn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu .
- Rủi ro về chính sách pháp luật: Thay đổi chính sách về lương tối thiểu của Nhà nước liên

tục dẫn tới chi phí bảo hiểm xã hội tăng nhanh trong khi giá thiết kế không thay đổi, bất cập trong các chính sách về thuế đối với đặc thù ngành nghề tư vấn thủy lợi. Đặc biệt là thay đổi nhiều nhất về chính sách bảo hiểm xã hội trong năm 2016 và từ năm 2018 trở đi làm cho chi phí bảo hiểm xã hội sẽ tăng đột biến.

- Rủi ro về nhân sự: Trong lĩnh vực tư vấn, chất xám là tài sản cốt lõi quyết định đến sự thành hay bại của bất cứ doanh nghiệp tư vấn nào. Hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng có nhiều công ty tư vấn (trong và ngoài nước) hoạt động trên khắp các địa bàn trong cả nước với chính sách lương hấp dẫn, chế độ đãi ngộ tốt (mặc dù là không bền vững), ... thì việc di chuyển các cán bộ là chủ nhiệm dự án, cán bộ quản lý,.. là một rủi ro lớn của của HEC. Việc tuyển dụng nhân sự đáp ứng được công việc rất khó khăn (sinh viên mới ra trường thường phải mất từ 2 đến 5 năm đào tạo thì mới có thể đáp ứng được công việc ở mức bình thường của người kỹ sư thiết kế).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations:*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

+ Sản lượng		: 119, 379 tỷ đồng;
+ Tổng doanh thu		: 146, 492 tỷ đồng;
oDoanh thu từ khảo sát, thiết kế, in		: 142, 851 tỷ đồng;
oThu nhập tài chính		: 1, 288 tỷ đồng;
oThu nhập khác		: 2,353 tỷ đồng;
+ Tổng chi phí xác định lợi nhuận		: 138,153 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận trước thuế		: 8,339 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận sau thuế		: 6,688 tỷ đồng;
+ Thu nhập bình quân tháng/NLĐ		: 6,6 triệu đồng.

Nguồn thu nhập không có nhiều thay đổi so với những năm trước, doanh thu chính vẫn là từ khảo sát thiết kế các công trình.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

Các mục tiêu được đề ra trong ĐHCĐ thường niên năm 2016 đều hoàn thành. Cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện năm 2015	Kết quả thực hiện năm 2016	Kế hoạch theo nghị quyết ĐHCĐ 2016	Tỷ lệ so sánh với kế hoạch ĐHCĐ (%)
1	Sản lượng	Tỷ đồng	98,375	119,397	115	104
2	Doanh thu	Tỷ đồng	106,173	146,492	90	162
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,138	8,339	6	139
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%/năm/CP	6,5	7,5	7 ÷ 8	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện năm 2015	Kết quả thực hiện năm 2016	Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2016	Tỷ lệ so sánh với kế hoạch ĐHĐCĐ (%)
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng/người	6	6,6	6	110

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors:*

Danh sách ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CĐ	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
1	Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng giám đốc	001	-	-	14,70%
2	Võ Văn Lung	Phó Tổng giám đốc	322	13.824	-	0,3142%
			715	-	862.400	19,60%
3	Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng giám đốc	020	26.835	-	0,6098%
			002	-	646.800	14,70%
4	Võ Như Hùng	Phó Tổng giám đốc	414	1.200	-	0,0273%
5	Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	144	37.400	-	0,85%
Tổng cộng:						50,8013%

Danh sách các cán bộ quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CĐ	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
1	Đào Hoài Anh	TP Kinh doanh	030	53.082	-	1,2064%
2	Nguyễn Phong Thắng	Chánh Văn phòng	-	-	-	
3	Lê Nho Thịnh	Giám đốc HEC11	425	1.935	-	0,0440%
4	Vũ Phương Minh	Giám đốc HEC12	083	10.572	-	0,2403%
5	Nguyễn Chí Trường	Giám đốc HEC13	085	6.400	-	0,1455%
6	Đỗ Ngọc Cương	Giám đốc HEC14	400	4.300	-	0,0977%
7	Lê Ngọc Liêu	Giám đốc HEC15	027	13.100	-	0,2977%
8	Bùi Quốc Vinh	Giám đốc HEC16	360	4.000	-	0,0909%

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CD	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
9	Phạm Văn Vân	Giám đốc In thủy lợi	274	2.900	-	0,0659%
10	Nguyễn Duy Thoan	Giám đốc TTTTVGĐ&ATTĐ	273	3.617	-	0,0822%
11	Nguyễn Việt Hưng	Giám đốc TTTVMT	446	1.699	-	0,0386%
12	Nguyễn Mạnh Hiếu	Giám đốc TTC-Đ	553	1.130	-	0,0257%
13	Trần Văn Tuấn	Giám đốc VP đại diện tại Lào	618	200	-	0,0045%
14	Lê Minh Thành	Giám đốc CN Thành phố HCM và văn phòng đại diện tại Nha Trang		-	-	

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*

(a) Ban điều hành:

- + Không có sự thay đổi.

(b) Lãnh đạo các đơn vị:

- + Bỏ nhiệm ông Lê Nho Thịnh làm Giám đốc Công ty Tư vấn 11 thay ông Giám đốc cũ thôi kiêm nhiệm.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng số người lao động tại công ty Mẹ của HEC là: 401 người (Lao động nữ: 150 người; Lao động nam: 251 người). Tỷ lệ nam, nữ chênh lệch nhiều là do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của HEC.

Tóm tắt các chính sách đối với người lao động tại Tổng công ty

* Về tiền lương:

- + Đối với người lao động khối quản lý: trả lương theo Quyết định số 70/2011/QĐ-HDQT ngày 14/12/2011, đây là quy chế trả lương theo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Đối với lao động khối sản xuất: các đơn vị sản xuất hoạt động theo hình thức giao khoán chi phí lao động, vật tư, quản lý. Các đơn vị Khảo sát thực hiện theo Quy định khung về nội dung khoán, chi phí trong khoán và ngoài khoán ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-HEC-TCNS ngày 08/3/2013.

*Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, HEC luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Ngoài ra, HEC đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người lao động trong việc học cao học, thi nâng bậc đối với công nhân nhằm tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, HEC tiếp tục tổ chức các lớp học chủ nhiệm chuyên ngành, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi

với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài.

*Về chính sách khen thưởng, kỷ luật: Để khuyến khích người lao động, HEC có chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó tháng 12/2013, HEC cũng đã ban hành Quy định về xử lý kỷ luật lao động làm căn cứ để xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của HEC.

*Công tác đời sống đối với người lao động HEC: luôn quan tâm, cố gắng đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập.

*Trợ cấp khó khăn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. HEC xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

*Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động: HEC luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

*Tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm một lần cho toàn thể người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 01 năm trở lên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Chưa đầu tư dự án nào

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

Số vốn đầu tư góp vốn vào 5 công ty là: 7,258 tỷ đồng. Kết quả đầu tư trong 06 năm gần nhất như sau (Tỉ lệ lãi suất đầu tư %):

STT	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Ghi chú
1	APECO	36	39	27	12	28		2017 chưa ĐHCĐ
2	HEC3	18	12	9	0	8		2017 chưa ĐHCĐ
3	ICC4	20	18	15	12	12	10	
4	ICC2	18	14	12	16	12	10	
5	HEC17	0	8	0	0			2017 chưa ĐHCĐ

Vốn kinh doanh tại các công ty trên ổn định và có tăng trưởng. Riêng công ty HEC17 còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, việc làm nên chưa bảo toàn được vốn.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2015 (đ)	Năm/Year 2016 (đ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	190.951.611.413	179.430.221.535	94%

Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	131.591.905.549	142.850.927.865	109%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	6.320.229.663	6.438.614.138	102%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	818.535.465	1.900.822.167	232%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	7.138.765.128	8.339.436.305	117%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	5.378.985.986	6.688.294.695	124%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/<i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>1,26 lần 1,30 lần</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i></p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u></p> <p>1,04 lần 1,15 lần</p>			
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản(<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>68,10% 65,02%</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p> <p>213,46% 185,87%</p>			
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover:</i></p>			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	3,54 lần	5,38 lần	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0,69 lần	0,80 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	4,09%	4,68%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	8,83%	10,66%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	2,82%	3,73%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	4,8%	4,51%	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*:

- Tổng số cổ phần: 4.400.000 CP
- Loại CP: phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*:

- Cổ đông nhà nước: 2.156.000 CP; do 03 cá nhân đại diện
- Cổ đông tổ chức: 27.000 CP

Bao gồm 02 Công ty và tổ chức công đoàn HEC

- Cổ đông lớn:

- + Số CP $\geq 1\%$ và $\leq 5\%$: 06
- + Số CP $\leq 10\%$: không có
- + Số CP $\geq 10\%$: không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:

Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*:

Không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

Hoạt động của Tổng công ty phân chia thành 2 lĩnh vực chính:

- Công việc thiết kế: làm việc tại văn phòng là chính, không có tác động xấu tới môi trường xã hội.

- Công việc khảo sát thực địa: có sử dụng xăng, dầu Diesel cho các máy bơm, máy khoan nhưng số lượng không đáng kể do vậy ảnh hưởng tới môi trường không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*.

Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly*.

- Điện năng tiêu thụ 1 năm khoảng: 800.000 kwh

- Xăng, dầu tiêu thụ 1 năm khoảng: 65.000 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*.

Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used*.

Nguồn cung cấp nước: hệ thống cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà nội và các thành phố có trụ sở các chi nhánh.

Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt thông thường khoảng 6.000 m³/năm. Không sử dụng nước trong sản xuất khác.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 401 người.

- Lương bình quân: 6,6 triệu đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Chính sách sử dụng lao động tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và theo thỏa ước lao động tập thể.

Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

Xây dựng và thực hiện các quy chế nội bộ, nội quy lao động và quy chế dân chủ cơ sở để người lao động thực hiện một cách rõ ràng, công khai.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện quy chế đào tạo. Khuyến khích người lao động tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và có chế độ khi đi học thỏa đáng. Ưu tiên hình thức tự đào tạo trong công việc thực hiện là chính. Đào tạo tập trung thành lớp theo từng chuyên đề khi có nhu cầu.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Các lớp đào tạo chủ nhiệm thiết kế; đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán; đào tạo tay nghề cho công nhân kỹ thuật, tổ chức thi nâng bậc công nhân.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Đóng góp về vật chất cho cộng đồng dân cư địa phương (nơi có trụ sở)

- Tại các công trình nơi thực hiện khảo sát thiết kế: xây dựng nhà tình nghĩa (tùy thuộc từng công trình và nhu cầu của địa phương).

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Tổng quan về hoạt động của Tổng công ty:

Kế hoạch sản xuất dự kiến không có nhiều thay đổi, đã phân tích trước được chủ trương đầu tư của Nhà nước đối với ngành thủy lợi nên đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp.

Về doanh thu: đã tích cực bám sát các Chủ đầu tư, tập trung vào các dự án được phân bổ kế hoạch vốn nên đảm bảo được nguồn thu, thu hồi được các khoản chi phí từ những năm trước, do vậy doanh thu vượt kế hoạch. Các mục tiêu đã được đề ra trong Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đều đạt và vượt.

So với năm 2015, tất cả các chỉ tiêu đều vượt trội:

+ Doanh thu 137%

+ Lợi nhuận: 116%

+Thu nhập người lao động: 110%

Đánh giá chung trong năm 2016 ban lãnh đạo HEC hoàn tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Doanh nghiệp hoạt động đã đảm bảo được các yếu tố sau:

+ Bảo toàn được vốn của Chủ sở hữu.

+ Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Đảm bảo các quyền lợi, lợi ích của người lao động.

+ Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

+ Tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng công trình thủy lợi, đã áp dụng thành công ở một số công trình.

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiến độ

+ Công nhận nhiều sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, xây dựng các phần mềm nhỏ tiện ích trong hoạt động khảo sát thiết kế và đã ứng dụng trực tiếp vào sản xuất thành công.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Tình hình tài sản không có nhiều biến động so với các năm trước, tài sản dài hạn tăng so với năm 2015 do tăng tài sản cố định. Đầu tư tài chính dài hạn không thay đổi, các khoản đầu tư này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và đều tăng dần hàng năm.

Nhìn chung việc sử dụng tài sản của Tổng công ty là hiệu quả. Nợ phải thu xấu ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh không đáng kể. Đa phần các khoản nợ quá hạn đều từ các Ban quản lý dự án của Nhà nước do chưa phân bổ được ngân sách hoặc nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2016-2020; hoặc các khoản giữ lại bảo hành công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

Tổng tài sản: 179.430.221.535 đ

- Tài sản ngắn hạn: 148.292.780.883 đ

- Tài sản dài hạn: 31.137.440.652 đ

Khoản nợ phải thu: 97,19 tỷ đồng, chiếm 54,29 % tổng tài sản.

Trong đó phần phải thu từ các chủ đầu tư: 63,079 tỷ đồng, chiếm 35,19% tổng tài sản và các khoản phải thu: 26,222 tỷ đồng chiếm 14,52 % tổng tài sản.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả giảm so với năm 2015 và không có biến động lớn về các khoản nợ

Nợ phải trả: 116.664.870.669 đ

+ Nợ ngắn hạn: 114.009.653.013 đ

+ Nợ dài hạn: 2.655.217.656 đ

Bao gồm các khoản mục chính sau:

o Các chủ đầu tư tạm ứng theo hợp đồng: 17,693 tỷ đồng;

o Chi phí lao động phải trả: 26,910 tỷ đồng;

o Tiền chưa thanh toán cho B phụ: 10,175 tỷ đồng;

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh của HEC là sản xuất theo đơn đặt hàng, chủ đầu tư chủ yếu là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các Tỉnh nên trong tình hình Nhà nước cắt giảm đầu tư công, HEC gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu từ các Chủ đầu tư dẫn đến tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, không có các khoản nợ xấu. Các khoản vay đều có khả năng trả nợ. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả sản xuất kinh doanh không có do các khoản vay là tiền đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư trẻ, năng động sáng tạo trong

điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh.

- Tin học hóa việc điều hành sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nhân lực và kiểm soát tốt hơn toàn bộ hoạt động sản xuất của HEC. Giảm thiểu các cuộc họp giao ban có tính chất định kỳ, hình thức. Đến nay toàn bộ văn bản, công văn đến – đi đều thực hiện qua hệ thống thư điện tử @hec.com.vn, việc chỉ đạo sản xuất, nắm bắt tình hình công việc đều qua hệ thống này.
- Liên tục cập nhật và duy trì áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Các biện pháp kiểm soát:

- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách, chủ nhiệm thiết kế và các phòng chức năng liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp các dự án và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến các dự án đó.
- + Các phòng chức năng (Kinh doanh, Văn phòng) giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, an toàn và vệ sinh lao động...).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Định hướng phát triển của HEC về lâu dài là mở rộng nhiều ngành nghề khác để đa dạng hóa nguồn thu. Tuy nhiên, để thực hiện được chính sách này đòi hỏi cần có thời gian chuẩn bị cả về nguồn vốn lẫn nhân lực, do vậy trong năm 2017 trước mắt nguồn thu chủ yếu xác định vẫn là từ ngành nghề chính khảo sát thiết kế công trình.

Năm 2017 là năm tiếp tục khó khăn đặt ra đối với Tổng công ty vì nguồn vốn Nhà nước dành cho công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình rất hạn hẹp, nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2016-2020 bố trí cho năm 2016, 2017 dự kiến phải tới tháng 5/2017 mới có chính thức nên chi phí cho khảo sát thiết kế các công trình mới sẽ không được nhiều. Để duy trì công tác sản xuất, Tổng công ty cần tiếp tục giữ vững vị trí tại các thị trường truyền thống như khu vực Bắc, Trung bộ, củng cố và từng bước mở rộng hoạt động tại thị trường Lào và đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời phải cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý nhằm hợp lý hóa các bộ phận sản xuất, phải đảm bảo lợi ích của người lao động và lợi ích của cổ đông.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị cho khối khảo sát để có thể thực hiện được các hợp đồng kiểm định an toàn đập, hồ chứa lớn phức tạp; các công trình khoan phụt có yêu cầu cao về thiết bị. Tiếp cận các tiến bộ khoa học trong công tác xử lý nền các công trình nhằm mục đích đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực để có thể tham gia các hoạt động xây dựng trong lĩnh vực xử lý nền theo công nghệ mới.
- Trang bị các phần mềm tính toán cơ bản nhằm ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác thiết kế đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay;
- Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ kỹ sư tư vấn xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, đủ trình độ để áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm trong các dự án nông nghiệp trong và ngoài nước;
- Đẩy mạnh mở rộng thị trường khảo sát thiết kế ra các nước có tiềm năng và nhu cầu cao về

sản xuất nông nghiệp như: Lào, Campuchia, các nước châu Phi. Tiếp tục đào tạo nhân lực chất lượng cao để cung cấp chuyên gia cho các nước có trình độ thấp hơn về kỹ thuật khảo sát, thiết kế thủy lợi hoặc liên doanh để tham gia các dự án quốc tế khác;

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của HEC đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện chính sách nhân lực trong điều kiện mới, phát triển nhân tố lao động của HEC thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:” *Tại thời điểm 31/12/2016, Tổng công ty đã thực hiện đối chiếu và gửi thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả cho khách hàng và nhà cung cấp, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Tổng công ty vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận của khách hàng và nhà cung cấp. Giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu tương ứng là 19 tỷ đồng và 5,2 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể đánh giá, xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng công ty.*”

Giải trình của ban giám đốc:

Các khoản công nợ phải thu chưa xác nhận được đều thuộc các Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các địa phương. Tuy chưa có được xác nhận công nợ nhưng tài liệu chứng minh công nợ đều đầy đủ (Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành giữa 2 bên). Việc các Chủ đầu tư chưa thanh toán được theo số liệu đã nghiệm thu thanh toán do nguồn vốn phân bổ của Nhà nước chưa đủ nhưng khối lượng nghiệm thu hoàn thành vẫn phải lập đầy đủ theo hạng mục (theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Thuế) . Các khoản công nợ này đều có khả năng thu hồi khi Nhà nước có kế hoạch vốn.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):

Hoạt động của Tổng công ty không vi phạm tới các chỉ tiêu môi trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers:

Các vấn đề liên quan đến người lao động đều được thực đúng quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể đã ký giữa đại diện tổ chức công đoàn và Người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Review

concerning corporate responsibility towards the local community:

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng địa phương tại những nơi có trụ sở và tại các công trình thực hiện công việc khảo sát thiết kế.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Ban TGD đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của HEC và những quy chế, quy định đã ban hành. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đề ra. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Phát huy uy tín và thương hiệu, thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh chính của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế công trình thủy lợi thủy điện, in ấn tài liệu, xử lý nền móng, tiếp cận và làm chủ được công nghệ ngành môi trường nước và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của HEC.
- Tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường để tạo nguồn công việc lâu dài, ổn định và phát triển bền vững;
- Nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức, tinh giảm và nâng cao về chất nguồn nhân lực nhằm đáp ứng thị trường hiện nay;
- Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ nhằm phát huy, giữ vững thương hiệu và uy tín của HEC từ đó mới nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện thoái vốn của HEC tại HEC 17 và ICC2.

V. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

a. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, Tổng công ty đã thực hiện đối chiếu và gửi thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả cho khách hàng và nhà cung cấp, tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác

nhận của khách hàng và nhà cung cấp. Giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu tương ứng là 19 tỷ đồng và 5,2 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể đánh giá, xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

b. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

c. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại 31/12/2016, một số khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 11,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán. Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

d. Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - HEC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ các vấn đề nêu trên.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		173.201.732.078	189.566.960.158
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.510.854.502	47.115.389.220
111	1. Tiền		35.510.854.502	42.915.389.220
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.607.449.645	98.717.272.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	74.450.142.380	57.564.025.816
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.138.690.520	13.411.214.056
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		3.389.000	3.389.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.015.227.745	27.738.643.208
140	IV. Hàng tồn kho	8	29.966.066.441	43.642.803.992
141	1. Hàng tồn kho		29.966.066.441	43.642.803.992
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		117.361.490	91.494.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	10.941.662	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		73.282.945	28.491.651
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	33.136.883	63.003.215
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.024.327.472	30.554.181.818
220	II. Tài sản cố định		24.244.080.618	23.817.872.375
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	24.020.172.123	23.415.806.380
222	- Nguyên giá		52.227.030.030	49.875.012.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.206.857.907)	(26.459.205.680)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	223.908.495	402.065.995
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(870.751.505)	(692.594.005)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.877.167.497	4.818.527.140
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.855.383.191	3.796.742.834
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.021.784.306	1.021.784.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.903.079.357	1.917.782.303
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.089.038.078	977.741.024
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	940.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.226.059.550	220.121.141.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		129.176.170.552	146.935.306.053
310	I. Nợ ngắn hạn		126.520.952.896	144.279.759.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.201.485.165	14.013.135.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	16.611.428.683	32.153.636.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.272.751.307	8.355.453.061
314	4. Phải trả người lao động		29.603.919.718	25.679.891.095
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.333.275.965	14.668.323.979
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	26.169.928.639	26.033.575.448
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	22.260.245.066	20.062.023.160
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.067.918.353	3.313.720.892
330	II. Nợ dài hạn		2.655.217.656	2.655.546.380
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	2.655.217.656	2.655.546.380
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.049.888.998	73.185.835.923
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	75.049.888.998	73.185.835.923
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>44.000.000.000</i>	<i>44.000.000.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356.849.738	356.849.738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.573.420.650	13.885.379.775
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.274.227.096	8.064.709.810
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm</i>		<i>2.227.292.017</i>	<i>1.491.085.296</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>7.046.935.079</i>	<i>6.573.624.514</i>
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.845.391.514	6.878.896.600
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.226.059.550	220.121.141.976

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	163.458.648.168	155.253.779.250
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	74.782.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.383.866.168	155.253.779.250
11	4. Giá vốn hàng bán	23	135.757.735.885	128.578.495.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.626.130.283	26.675.284.013
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	752.002.361	722.640.007
22	7. Chi phí tài chính	25	2.000.939.284	2.054.485.819
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.998.138.463	2.047.807.377
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		184.640.357	317.766.721
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18.846.621.006	17.250.691.800
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.715.212.711	8.410.513.122
31	12. Thu nhập khác	27	2.436.119.637	2.898.564.056
32	13. Chi phí khác	28	489.318.653	1.766.331.488
40	14. Lợi nhuận khác		1.946.800.984	1.132.232.568
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.662.013.695	9.542.745.690
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.996.577.748	2.186.788.936
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.665.435.947	7.355.956.754
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.046.935.079	6.573.624.514
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		618.500.868	782.332.240
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.602	1.494

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	163.458.648.168	155.253.779.250
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	74.782.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.383.866.168	155.253.779.250
11	4. Giá vốn hàng bán	23	135.757.735.885	128.578.495.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.626.130.283	26.675.284.013
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	752.002.361	722.640.007
22	7. Chi phí tài chính	25	2.000.939.284	2.054.485.819
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.998.138.463	2.047.807.377
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		184.640.357	317.766.721
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18.846.621.006	17.250.691.800
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.715.212.711	8.410.513.122
31	12. Thu nhập khác	27	2.436.119.637	2.898.564.056
32	13. Chi phí khác	28	489.318.653	1.766.331.488
40	14. Lợi nhuận khác		1.946.800.984	1.132.232.568
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.662.013.695	9.542.745.690
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.996.577.748	2.186.788.936
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.665.435.947	7.355.956.754
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.046.935.079	6.573.624.514
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		618.500.868	782.332.240
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.602	1.494

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.662.013.695	9.542.745.690
	4. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.644.009.939	2.948.641.438
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.028.733.627)	(1.040.406.728)
06	- Chi phí lãi vay		1.998.138.463	2.047.807.377
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.275.428.470	13.498.787.777
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.779.102.527)	23.715.553.631
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.802.737.551	6.168.791.565
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.692.082.070)	(10.009.178.267)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(122.238.716)	11.674.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.006.939.151)	(2.047.807.377)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.952.645.518)	(1.555.329.134)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		223.030.916	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.356.118.390)	(1.564.530.768)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.607.929.435)	28.217.962.328
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.070.218.182)	(369.478.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		752.002.361	714.030.217
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.318.215.821)	364.552.035
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.319.555.906	17.346.608.853
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.121.334.000)	(17.722.755.962)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.914.604.340)	(3.822.721.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.716.382.434)	(4.198.868.109)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.642.527.690)	24.383.646.254

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		47.115.389.220	22.731.742.966
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.992.972	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	35.510.854.502	47.115.389.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh	58,80%	58,80%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng	50,65%	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con

không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao

dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 45 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 | năm |

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước liên quan đến dịch vụ cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	6.824.488.740	3.725.373.323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.686.365.762	39.190.015.897
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
	35.510.854.502	47.115.389.220

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	2.741.525.361	Ninh Bình	30,00%	30,00%	2.704.273.035
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	1.113.857.830	Hà Nội	40,00%	40,00%	1.092.469.799
				3.855.383.191				3.796.742.834

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương với tỷ lệ ích và biểu quyết là 18%, được thành lập tại Hà Nội, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Tư vấn, khảo sát xây dựng.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Sở Nông nghiệp Cao Bằng	1.184.678.000	4.918.648.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	2.989.913.000	2.656.520.000
- Dự án Phan Rí, Phan Thiết	-	1.145.999.206
- Ban QLDA Sông Tích	2.886.550.000	2.886.550.000
- Công ty TNHH MTV XDCT 507 tại Quảng Ninh	4.132.931.000	4.132.931.000
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 4	6.452.200.000	22.605.000
- BQL DA NN&PTNT Phú Thọ	2.400.457.000	1.396.515.000
- Ban QLDA CSHT bền vững Hòa Bình	2.018.779.000	-
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	2.309.811.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và PTNT	3.478.365.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.703.376.869	2.365.358.583
- Các khoản phải thu khách hàng khác	43.893.081.511	38.038.899.027
	74.450.142.380	57.564.025.816

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi số 3	1.251.830.000	-	64.310.000	-
Công ty cổ phần tư vấn và Xây dựng số 2	2.942.797.000	-	5.694.504.000	-
Trả trước cho người bán khác	944.063.520	-	7.652.400.056	-
	5.138.690.520	-	13.411.214.056	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động	214.021.560	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	206.686.134	-	304.143.134	-
Tạm ứng	21.641.883.998	-	22.097.997.479	-
Ký cược, ký quỹ	350.650.000	-	514.905.256	-
Phải thu Công ty cơ khí	1.805.235.869	-	1.805.235.869	-
Phải thu chi phí in ấn	-	-	912.165.073	-
Phải thu khác	3.796.750.184	-	2.104.196.397	-
	28.015.227.745	-	27.738.643.208	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	1.365.148.083	-	1.663.648.534	-
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	444.083.448	-	426.362.923	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	28.156.834.910	-	41.552.792.535	-
	<u>29.966.066.441</u>	<u>-</u>	<u>43.642.803.992</u>	<u>-</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.607.481.515	13.112.885.165	11.806.424.723	1.130.597.443	217.623.214	49.875.012.060
- Mua trong năm	-	615.380.000	2.454.838.182	-	-	3.070.218.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(674.219.260)	(43.980.952)	-	(718.200.212)
Số dư cuối năm	23.607.481.515	13.728.265.165	13.587.043.645	1.086.616.491	217.623.214	52.227.030.030
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.552.991.930	7.482.321.758	8.274.980.898	931.287.880	217.623.214	26.459.205.680
- Khấu hao trong năm	1.130.520.376	387.113.181	813.379.745	134.839.137	-	2.465.852.439
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(674.219.260)	(43.980.952)	-	(718.200.212)
Số dư cuối năm	10.683.512.306	7.869.434.939	8.414.141.383	1.022.146.065	217.623.214	28.206.857.907
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.054.489.585	5.630.563.407	3.531.443.825	199.309.563	-	23.415.806.380
Tại ngày cuối năm	12.923.969.209	5.858.830.226	5.172.902.262	64.470.426	-	24.020.172.123

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.476.673.888 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá là 1.094.660.000 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 870.751.505 VND. Trong đó giá trị khấu hao trong năm là 178.157.500 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>10.941.662</u>	<u>-</u>
	<u>10.941.662</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa Văn phòng	155.520.908	203.514.202
Công cụ dụng cụ xuất dùng	788.832.442	629.465.222
Chi phí trả trước dài hạn khác	144.684.728	144.761.600
	<u>1.089.038.078</u>	<u>977.741.024</u>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Công ty Cổ phần tập đoàn XD Bình Minh	1.774.000.000	1.635.757.000
Công ty khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai	1.797.000.000	-
Công ty cổ phần Điện Miền Bắc 1	1.374.782.127	1.374.782.127
Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	-	4.482.569.000
Ban QL dự án ĐT và XD thủy lợi 6	397.279.200	2.800.000.000
Các khoản người mua trả trước khác	11.268.367.356	21.860.528.814
	<u>16.611.428.683</u>	<u>32.153.636.941</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	955.504.309	955.504.309	1.497.559.665	1.497.559.665
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD Thủy Lợi Thanh Hóa	2.437.760.000	2.437.760.000	2.046.912.000	2.046.912.000
- Công ty Hồng Đô	800.811.940	800.811.940	-	-
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 16	1.291.379.000	1.291.379.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.716.029.916	8.716.029.916	10.468.663.432	10.468.663.432
	14.201.485.165	14.201.485.165	14.013.135.097	14.013.135.097

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD Thủy Lợi Thanh Hóa
- Công ty Hồng Đô
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 16
- Phải trả các đối tượng khác

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	6.170.174.434	11.409.995.070	11.995.577.632	-	5.584.591.872
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.861.663.277	1.996.577.748	2.952.645.518	-	905.595.507
Thuế Thu nhập cá nhân	62.948.639	41.086.486	745.921.277	258.907.381	33.055.521	498.207.264
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	239.548.683	2.262.860.472	2.261.032.672	-	241.376.483
Các loại thuế khác	-	42.980.181	-	-	-	42.980.181
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	54.576	-	13.500.000	13.526.786	81.362	-
	63.003.215	8.355.453.061	16.428.854.567	17.481.689.989	33.136.883	7.272.751.307

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hơn nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	116.182.063	124.982.751
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	6.217.093.902	14.543.341.228
	6.333.275.965	14.668.323.979

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	2.109.763.656	2.655.546.380
- Doanh thu nhận trước công trình Thác Huống	545.454.000	-
	2.655.217.656	2.655.546.380

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.530.251.434	185.310.940
- Bảo hiểm xã hội	123.337.596	103.384.993
- Bảo hiểm y tế	56.062.172	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.911.669	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.230.966.318	2.285.570.658
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	3.777.382.314	3.363.512.352
- Phải trả chi phí giám sát tác giả theo quy định	4.535.991.481	4.535.991.481
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	726.234.000	1.125.915.200
- Các khoản phải trả cán bộ CNV tiền vay	10.739.900.855	10.029.519.533
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.424.890.800	4.404.370.291
	26.169.928.639	26.033.575.448

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội (1)	12.806.244.000	12.806.244.000	16.662.783.350	13.304.977.000	16.164.050.350	16.164.050.350
- Vay cá nhân (2)	7.255.779.160	7.255.779.160	2.656.772.556	3.816.357.000	6.096.194.716	6.096.194.716
	20.062.023.160	20.062.023.160	19.319.555.906	17.121.334.000	22.260.245.066	22.260.245.066

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM ngày 31/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ). Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 9,2% và 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo 02 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên vay tại Ngân hàng với tổng giá trị 97.310,17 USD.

(2) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 12%/năm, khoản vay theo hình thức tín chấp và thời hạn vay là 03 tháng.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	1.491.085.296	6.096.564.360	65.829.879.169
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	6.573.624.514	782.332.240	7.355.956.754
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	8.064.709.810	6.878.896.600	73.185.835.923
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	356.849.738	13.885.379.775	8.064.709.810	6.878.896.600	73.185.835.923
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	7.046.935.079	618.500.868	7.665.435.947
Phân phối lợi nhuận	-	-	537.899.000	(5.378.985.986)	-	(4.841.086.986)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	150.141.875	(458.431.807)	(652.005.954)	(960.295.886)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	356.849.738	14.573.420.650	9.274.227.096	6.845.391.514	75.049.888.998

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 22/2015/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.378.985.986
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	537.899.000
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	36,83%	1.981.086.986
Chi trả cổ tức (bằng 6,5 % vốn điều lệ)	53,17%	2.860.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Các cổ đông khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	100%	44.000.000.000	100%	44.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	2.860.000.000	2.640.000.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	2.860.000.000	2.640.000.000
	2.860.000.000	2.640.000.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.573.420.650	13.885.379.775
	14.573.420.650	13.885.379.775

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	173.248	97.310

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	163.458.648.168	155.253.779.250
	163.458.648.168	155.253.779.250

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.782.000	-
	74.782.000	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	135.757.735.885	128.578.495.237
	135.757.735.885	128.578.495.237

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	336.282.361	253.800.007
Cổ tức, lợi nhuận được chia	415.720.000	468.840.000
	752.002.361	722.640.007

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.998.138.463	2.047.807.377
Chi phí tài chính khác	2.800.821	6.678.442
	2.000.939.284	2.054.485.819

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	717.548.249	1.006.530.784
Chi phí nhân công	7.171.744.619	6.563.902.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.000.186	794.451.184
Thuế, phí, lệ phí	1.258.920.411	681.505.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.940.623	968.924.263
Chi phí khác bằng tiền	7.344.466.918	7.235.378.091
	18.846.621.006	17.250.691.800

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	92.090.909	20.000.000
Tiền cho thuê Văn phòng	2.130.522.994	1.390.872.723
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	47.235.000	519.918.182
Thu tiền đề tài khoa học	57.142.857	453.333.333
Thu nhập khác	109.127.877	514.439.818
	2.436.119.637	2.898.564.056

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	266.731.743	1.169.847.370
Chi phí đề tài khoa học	60.000.000	476.000.000
Chi phí khác	162.586.910	120.484.118
	489.318.653	1.766.331.488

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.996.577.748	2.186.788.936
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	381.387.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.861.663.277	848.815.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.952.645.518)	(1.555.329.134)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	905.595.507	1.861.663.277

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.046.935.079	6.573.624.514
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.046.935.079	6.573.624.514
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.602	1.494

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.633.347.890	8.045.838.635
Chi phí nhân công	52.396.165.131	46.692.201.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.644.009.939	2.948.641.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.734.610.640	33.166.384.971
Chi phí khác bằng tiền	32.260.358.811	27.351.707.914
	129.668.492.411	118.204.774.201

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	35.510.854.502	-	47.115.389.220	-
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	102.465.370.125	-	85.302.669.024	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	138.998.008.933	-	133.439.842.550	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	22.260.245.066	20.062.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	40.371.413.804	40.046.710.545
Chi phí phải trả	6.333.275.965	14.668.323.979
	68.964.934.835	74.777.057.684

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.510.854.502	-	-	35.510.854.502
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.465.370.125	-	-	102.465.370.125
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	137.976.224.627	1.021.784.306	-	138.998.008.933

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và các khoản tương đương tiền	47.115.389.220	-	-	47.115.389.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.302.669.024	-	-	85.302.669.024
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	132.418.058.244	1.021.784.306	-	133.439.842.550

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	22.260.245.066	-	-	22.260.245.066
Phải trả người bán, phải trả khác	40.371.413.804	-	-	40.371.413.804
Chi phí phải trả	6.333.275.965	-	-	6.333.275.965
	68.964.934.835	-	-	68.964.934.835
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	20.062.023.160	-	-	20.062.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	40.046.710.545	-	-	40.046.710.545
Chi phí phải trả	14.668.323.979	-	-	14.668.323.979
	74.777.057.684	-	-	74.777.057.684

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		7.538.208.454	1.947.086.364
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	1.340.293.000	1.947.086.364
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	6.197.915.454	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.814.660.000	5.774.504.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	3.200.140.000	5.694.504.000
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	614.520.000	80.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.304.350.445	1.711.350.916

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Lâm